

TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI (CƠ SỞ II)

Đỗ Thị Hoa Liên*

Title: *Improving the students' creativity at the University of Labor and Social Affairs*

Từ khóa: *Sáng tạo, giáo dục.*

Keywords: *Creative, education*

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 09/9/2016;

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 19/9/2016;

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/10/2016.

Tác giả: *Đại học Lao động xã hội (cơ sở TP. Hồ Chí Minh)

Email: dohoalien@yahoo.com.vn

TÓM TẮT

Bài viết đánh giá tác động của việc áp dụng những đổi mới có tính sáng tạo trong dạy và học tại Trường Đại học Lao động - Xã hội (CSII). Dữ liệu phục vụ cho bài viết được lấy từ 150 sinh viên tại trường. Từ những đánh giá và phân tích, câu hỏi đặt ra là làm thế nào để phát triển năng lực sáng tạo trong sinh viên.

ABSTRACT

The creativity Impact's assessing was subsequently conducted on an entity at the University of Labor and Social Affairs. The study information was collected from survey's results on 150 students. Lastly, the question is how we can achieve the development of creativity in University student.

1. Đặt vấn đề

Sáng tạo tạo động lực thúc đẩy sự phát triển những kỹ thuật mới và sản phẩm mới nhằm thỏa mãn nhu cầu của xã hội. Do đó, nhiều quốc gia đã đặt đổi mới, sáng tạo thành trung tâm chiến lược phát triển. Nhiều năm gần đây, Việt Nam đã quan tâm hơn đến đổi mới, sáng tạo trong các tổ chức, đặc biệt là ở các trường đại học, bởi vì đổi mới với giáo dục đào tạo nó chính là động lực cải tiến, đổi mới, giúp cho việc phát triển con người theo hướng phát triển toàn diện, tự chủ và sáng tạo.

Một số nghiên cứu đã chỉ ra, sự sáng tạo có thể được tăng cường và phát triển. Craft, Jeffrey, & Leibling (2001), phân biệt hai xu hướng khác nhau trong nghiên cứu về sự sáng tạo. Xu hướng thứ nhất, đề cập đến sự sáng tạo của các thiên tài, đó là năng khiếu hoặc tài năng bẩm sinh như Mozart, Picasso và Einstein... Xu hướng thứ hai, đề cập đến khả năng tìm kiếm các giải pháp mới và hiệu quả của vấn đề hàng ngày chứ không phải dành cho một vài bất thường, và đây được

cho là xu hướng đặc biệt thích hợp ở lĩnh vực giáo dục, trong đó ưu tiên để khuyến khích tất cả sinh viên, những người chưa đạt đến đỉnh cao trí tuệ, để đạt được đầy đủ tiềm năng sáng tạo và phát triển tư duy sáng tạo phụ thuộc vào hoạt động giáo dục đào tạo mà họ nhận được. Nghiên cứu này sẽ lập luận rằng sự sáng tạo và đổi mới trong giáo dục không chỉ là một cơ hội, mà là một điều cần thiết và trong hoạt động sáng tạo của con người thì chủ thể sáng tạo là trung tâm, trong đó yếu tố cốt lõi là năng lực sáng tạo của chủ thể.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan niệm và tiêu chí đánh giá năng lực sáng tạo

2.1.1. Quan niệm về năng lực sáng tạo

Có nhiều cách tiếp cận để giải thích sự sáng tạo, và năng lực sáng tạo. Theo Viện Từ điển học và Bách khoa toàn thư Việt Nam thì sáng tạo "là hoạt động tạo ra cái mới, có thể sáng tạo trong bất kỳ lĩnh vực nào: Khoa học (phát minh), nghệ thuật, sản xuất - kỹ thuật

(sáng tác, sáng chế), kinh tế, chính trị...". Torrance (1966), đã định nghĩa "sáng tạo là quá trình trở nên nhạy cảm với những vấn đề...; xác định những khó khăn; tìm kiếm giải pháp, dự đoán, hoặc đưa ra các giả thiết về những khiếm khuyết...; và cuối cùng là chia sẻ kết quả". Như vậy, một quan điểm phổ biến về sự sáng tạo là quá trình tư duy liên quan đến việc tạo ra các ý tưởng hoặc sản phẩm mới. Sau đó, các nhà nghiên cứu đã mở rộng định nghĩa về tính sáng tạo để đưa ra khái niệm về sự phù hợp và giá trị gia tăng (Sternberg & Lubart, 1999). Giáo sư Teresa M. Amabile thuộc trường kinh doanh Harvard cho rằng: sáng tạo là tạo ra các ý tưởng mới và hữu ích trong bất kỳ lĩnh vực nào (Amabile, 1996, tr.1). Nghĩa là, tính sáng tạo đòi hỏi cả tính mới lẫn tính hữu ích hay giá trị, điều đó cho thấy ý tưởng hay khái niệm có thể là mới mẻ nhưng nếu nó không có ích thì không thể định nghĩa như một ý tưởng sáng tạo và ngược lại (Beghetto, 2005). Tan và các cộng sự (2012), đưa ra kết luận từ các giải thích của Reber (1995) và Gibson (2005) rằng sáng tạo bao hàm hầu hết trong kỹ năng và nét đặc trưng của cá nhân hay còn gọi là cá tính (Beghetto, R.A., 2005).

Theo Huỳnh Văn Sơn (2009), Năng lực sáng tạo là khả năng tạo ra những cái mới hoặc giải quyết vấn đề một cách mới mẻ của con người. Năng lực sáng tạo được biểu hiện qua trình độ sáng tạo. Trình độ sáng tạo của cá nhân là sự biểu hiện ra bên ngoài của năng lực sáng tạo, bằng những sản phẩm sáng tạo mà cá nhân đã tạo ra. Nhưng, nếu nhìn vào một sản phẩm sáng tạo không thể đánh giá hết năng lực sáng tạo của cá nhân mà phải thông qua nhiều sản phẩm mới đánh giá được đầy đủ (Trần Việt Dũng, tr.162). Như vậy, đối với sinh viên đại học, năng lực sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học chính là khả năng thực hiện những điều sáng tạo: Biết tự giải quyết vấn đề học tập để tìm ra cái mới ở một mức độ nào đó, biết làm thành thạo và

luôn đổi mới, có những nét độc đáo riêng và luôn luôn phù hợp với thực tế. Tuy nhiên, năng lực sáng tạo không phải là bẩm sinh mà được hình thành và phát triển trong quá trình hoạt động của chủ thể sáng tạo.

2.1.2. Tiêu chí đánh giá năng lực sáng tạo

Để đánh giá năng lực sáng tạo của sinh viên, cần đặc biệt nhấn mạnh đến đánh giá quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

Torrance (1970), trong nghiên cứu về quá trình sáng tạo, gợi ý rằng sự sáng tạo là khả năng tạo ra một cái gì đó mới lạ, cái gì đó độc đáo và nguyên bản. Ông đưa ra các đặc điểm sáng tạo, bao gồm:

- Tính nhuần nhuyễn (Fluency), liên quan đến việc tạo ra số lượng các ý tưởng, tiêu chí để đánh giá điểm là số lượng các ý tưởng mà sinh viên đưa ra. Tất cả các ý tưởng đều có giá trị và được ghi nhận vì không có sự phân biệt ý tưởng nào đúng/sai, hay/dở.

- Tính linh hoạt (Flexibility), thể hiện ở số lượng những ý tưởng thay thế.

- Tính tỉ mỉ (Elaboration) là quá trình cung cấp chi tiết hơn về ý tưởng. Các chi tiết và sự rõ ràng về ý tưởng sẽ tăng sự thích thú và hiểu hơn về vấn đề.

- Tính độc đáo (Originality) liên quan đến việc tạo ra ý tưởng là duy nhất và đặc biệt, nó liên quan đến sự tổng hợp các thông tin về một chủ đề theo một cách mới.

Sternbrerg và Lubart (1995), lập luận rằng một người cần ba loại khả năng khác nhau để thành công: Khả năng phân tích - phân tích, đánh giá, so sánh và phản biện; khả năng thực tiễn - áp dụng và thực hiện; và khả năng sáng tạo - tưởng tượng, khám phá, tổng hợp, kết nối, sáng tạo và thích ứng.

Dự án sáng tạo của EUA (2007), đã phát triển năm yếu tố chính ảnh hưởng đến tính sáng tạo và tư duy sáng tạo và dự án đã khẳng định lại những đặc điểm cốt lõi của sự sáng tạo bao gồm: Tính độc

đáo, như khả năng tạo ra các ý tưởng bất thường; Sự phù hợp, như khả năng tạo ra công việc vừa mới lạ, vừa phù hợp; ĐỊNH hướng trong tương lai, như mong muốn những gì có thể xảy ra trong tương lai và khả năng đối phó với kết quả không chắc chắn; Khả năng giải quyết vấn đề như khả năng xác định các giải pháp mới cho các vấn đề; Khả năng nhìn những thứ từ một góc độ mới, mạo hiểm vượt ra khỏi những rủi ro thất bại.

Như vậy, trên cơ sở kết quả của các nghiên cứu trước đó, tác giả đề xuất các tiêu chí để đánh giá năng lực sáng tạo qua đánh giá quá trình học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên, bao gồm việc sinh viên biết: Tham gia tích cực, chủ động; đề xuất ý tưởng, cách làm mới; Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch một cách chủ động, sáng tạo; đề xuất các giải pháp khác nhau để thực hiện một nhiệm vụ; lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế; lựa chọn giải pháp tốt nhất; đánh giá và tự đánh giá kết quả công việc; phản biện; quản lý các hoạt động; dự đoán, kiểm tra và kết luận về vấn đề đã nêu ra.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Đối tượng khảo sát

Nghiên cứu thực hiện khảo sát ngẫu nhiên 150 sinh viên chính quy năm thứ 3 và thứ 4 thuộc năm ngành học tại trường vào tháng 08 và tháng 09 năm 2016.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện thông qua: (1) Phương pháp phân tích, tổng hợp các tài liệu, dữ liệu thứ cấp, (2) Phương pháp chuyên gia, (3) Phương pháp nghiên cứu định lượng sử dụng dữ liệu sơ cấp, được thực hiện trực tiếp bằng bảng hỏi được thiết kế dựa trên kết quả của các bước nghiên cứu trước đó. Bảng hỏi được xây dựng thông qua 10 tiêu chí nhằm đánh giá năng lực sáng tạo của sinh viên nhà trường. Sinh viên được yêu cầu phải đánh giá theo thang điểm từ 1- 5. Các kết quả của nghiên cứu này được phân tích và tổng hợp qua thống kê mô tả và kiểm định Independent Samples T-Test bởi phần mềm SPSS, để so sánh xem có sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên (nam, nữ) ở năng lực sáng tạo của họ hay không.

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Bảng 2. Kết quả đánh giá năng lực sáng tạo của sinh viên qua quá trình

Tiêu chí	Kết quả đánh giá bởi sinh viên		
	Mẫu	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Sinh viên biết tham gia tích cực, chủ động	150	3,3333	0,89974
Sinh viên biết đề xuất ý tưởng mới, cách làm mới	150	3,0000	0,75593
Sinh viên biết lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch một cách chủ động sáng tạo	150	2,6667	0,48795
Sinh viên biết đề xuất các giải pháp khác nhau để thực hiện nhiệm vụ	150	2,7333	0,70273
Sinh viên biết lựa chọn giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế	150	2,7333	0,70373
Sinh viên biết lựa chọn giải pháp tốt nhất	150	3,4667	0,99093
Sinh viên biết đánh giá và tự đánh giá kết quả công việc	150	3,7333	0,70373
Sinh viên biết phản biện	150	3,3333	0,89974
Sinh viên biết quản lý các hoạt động	150	3,2667	0,88372
Sinh viên biết dự đoán, kiểm tra và kết luận vấn đề đã nêu ra	150	3,0000	0,75592

Kết quả đánh giá năng lực sáng tạo của sinh viên từ việc tự đánh giá của sinh viên, cho thấy rằng điểm trung bình các tiêu chí đánh giá năng lực sáng tạo của sinh viên xoay quanh điểm 2,7 đến 3.7. Điều đó cho thấy năng lực sáng tạo của sinh viên nhà trường chỉ ở mức trung bình và trên trung bình không nhiều, trong đó, những tiêu chí được điểm cao nhất là sinh viên biết tham

gia tích cực, chủ động; biết đánh giá và tự đánh giá kết quả công việc. Tuy nhiên, tiêu chí sinh viên biết đề xuất ý tưởng mới, cách làm mới và sinh viên biết đề xuất các giải pháp khác nhau để thực hiện nhiệm vụ, được coi là có vai trò quan trọng để đánh giá năng lực sáng tạo của sinh viên thì điểm đánh giá lại thấp nhất.

Bảng 3. Independent Samples Test

		Levene's Test For Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Năng lực sáng tạo	Equal variances assumed	1,420	,235	,873	147	,384	,16105	,18450	-,20357	,52566
	Equal variances not assumed			,852	111,829	,396	,16105	,18901	-,21346	,53555

Trong kết quả kiểm định Independent-samples T-test, với số mẫu 150 (nam 58 và nữ là 91), mặc dù điểm năng lực sáng tạo trung bình của nữ lớn hơn của nam, tuy nhiên, kết quả kiểm định T-test trung bình 2 mẫu cho thấy sự chênh lệch này không có ý nghĩa thống kê ở mức 5% (sig =0,384 >0,05). Như vậy, chưa có cơ sở khẳng định có sự khác biệt giữa sinh viên nam và nữ ở trường về năng lực sáng tạo.

Điểm nổi bật của các kết quả khảo sát chính là sinh viên của trường tự bản thân họ đã có sẵn tính sáng tạo, do đó, điều cần thiết là chương trình học cần được thiết kế phù hợp và người dạy phải bồi dưỡng và nuôi dưỡng sự sáng tạo để sinh viên có thể tự tin thể hiện tính sáng tạo ra bên ngoài qua quá trình tiếp nhận tri thức nhân loại và tăng cường hơn nữa năng lực sáng tạo của người học.

2.4. Một số đề xuất nhằm tăng cường năng lực sáng tạo ở sinh viên Trường Đại học Lao động – Xã hội (CSII)

Những năm gần đây, các giảng viên nhà trường đã áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực nhằm kích lệ và tạo điều kiện tốt nhất để người học phát triển năng lực sáng tạo của mình. Phương pháp giảng dạy phổ biến ở nhà trường hiện nay là phương pháp giảng dạy lấy người học là trung tâm. Với phương pháp này vai trò của giảng viên thay đổi từ là một nhà cung cấp kiến thức thành một nhà lý luận, nhà quản lý và những thay đổi của sinh viên từ một người thụ động kiến thức thụ động thành một người học chủ động. Tuy nhiên, việc đưa ra ý tưởng mới trong nội dung và phương pháp dạy học còn chưa nhiều, đặc biệt là các giải pháp thay thế cùng sự độc đáo trong ý tưởng khác biệt chưa được nhắc đến trong kế hoạch đổi mới cách dạy và học, đây cũng là một thực trạng chung ở hầu hết các trường đại học ở nước ta hiện nay, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Đồng thời, tính tích cực, chủ động của sinh viên còn chưa cao, do đó những năm học tới nhà trường cần tập trung:

2.4.1. *Đổi mới nội dung giảng dạy và phương pháp đánh giá theo hướng tăng cường tính sáng tạo*

Về nội dung giảng dạy: Nội dung giảng dạy sáng tạo cần chứa đựng trong nó các sự thật, các mối quan hệ và các hiện thực của cuộc sống, nơi khởi nguồn của tư duy, của các khám phá và của các vấn đề nảy sinh cần được giải quyết khi đi qua quá trình nhận thức của con người. Do đó, giảng viên nên tìm kiếm những tình huống càng gần với thực tế càng tốt vì sẽ giúp sinh viên dễ tiếp cận theo cách nhìn và suy nghĩ của mình, học tập một cách sáng tạo, phát huy tiềm năng và tránh sự nhàm chán trong quá trình dạy và học.

Về công tác đánh giá chất lượng giảng dạy: Đánh giá là một phần thiết yếu của việc học tập và giảng dạy sáng tạo. Vì thế, năng lực sáng tạo của sinh viên phải được đánh giá bởi các giảng viên trong suốt quá trình giáo dục. Giảng viên có thể cho thấy rằng họ đánh giá cao sự sáng tạo của sinh viên thông qua việc mô hình hóa, tính độc đáo của giải pháp. Họ nuôi dưỡng và tạo động lực bằng cách đưa ra những vấn đề, nhiệm vụ mới lạ hoặc các bài tập không theo những mẫu bài tập cũ yêu cầu sinh viên giải quyết, bởi sáng tạo là một sự cân bằng của mới lạ và giá trị, độc đáo và phù hợp. Các ưu tiên chính của giảng viên là giúp sinh viên tập trung vào sự hiểu biết có tư duy, chứ không đơn thuần là chỉ tham gia học tập đầy đủ trên lớp, do đó cần thiết để đo lường hoặc đánh giá hiệu quả của sinh viên đối với mục tiêu đạt được trước đó, để sinh viên có thể nhìn thấy sự phát triển của bản thân họ. Người học phải tự đấu tranh với chính mình để nỗ lực tìm ra giải pháp, ngày càng hoàn thiện bản thân hơn trong việc đặt vấn đề và tự giải quyết vấn đề. Thay vì thúc đẩy sinh viên bằng

cách gợi ý rằng họ sẽ được chấm điểm, giảng viên phải khuyến khích và tạo động lực vì chính bản thân sinh viên để họ muốn tham gia vào nhiệm vụ của mình một cách tự ý thức.

2.4.2. *Tăng cường phương pháp dạy và học sáng tạo*

Học tập sáng tạo là quá trình học tập trong đó cho phép người học tập trung vào các kỹ năng tư duy, nó được dựa trên việc trao quyền cho người học, người học ở trung tâm của quá trình giáo dục. Giảng dạy sáng tạo là quá trình dẫn đến học tập sáng tạo, thực hiện các phương pháp mới, công cụ và các nội dung, để tạo tiềm năng sáng tạo cho người học, trong đó giảng viên là trung tâm trong việc xây dựng một môi trường sáng tạo, nhưng họ cần có sự hỗ trợ từ chính sách nhà trường, từ chương trình giảng dạy, hình thức đánh giá và công nghệ. Kết quả khảo sát cho thấy, điểm sinh viên biết đề xuất ý tưởng mới, cách làm mới; biết lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch một cách chủ động sáng tạo còn ở mức thấp nhất. Do đó, trước hết giảng viên hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu sao cho đảm bảo cho hoạt động học tập và nghiên cứu của sinh viên diễn ra theo trình tự đã sắp xếp, có tính khoa học. Đồng thời, giảng viên cần sử dụng phương pháp phù hợp để làm cho việc học thú vị, hấp dẫn, và hiệu quả, nhằm thu hút các sinh viên quan tâm và chú ý theo một cách mới, và kết quả là phát triển các phương pháp tiếp cận sáng tạo của người học. Mặt khác, để chuẩn bị hiệu quả cho những thay đổi nhanh chóng trong xã hội và môi trường làm việc, giảng viên nên cung cấp kỹ năng thực hành cho sinh viên. Theo đó, các sinh viên sẽ được khuyến khích theo đuổi sự sáng tạo và tự chủ lựa chọn và phát triển kỹ năng phù hợp với khả

năng và năng lực của họ. Đặc biệt, sinh viên được khuyến khích tự chủ trong học tập (những suy nghĩ, những câu hỏi và tưởng tượng được khuyến khích, và không có những cản trở, họ cố gắng tưởng tượng và khám phá giải pháp thay thế, và suy nghĩ một cách khác nhau), đây cũng như một cơ hội để bày tỏ quan điểm, thái độ và ý tưởng của họ về các vấn đề khác nhau trong quá trình giải quyết vấn đề đặt ra.

Phương pháp dạy học sáng tạo dựa trên nền tảng của trí tưởng tượng và phát triển các năng lực tưởng tượng. Hơn nữa, do các ngành nghề đào tạo ở trường hiện nay đều là những ngành nghề xã hội. Do vậy, cần xây dựng người giảng viên có khả năng liên tục sáng tạo kiến thức chứ không chỉ hấp thu kiến thức, có khả năng đề xuất phương pháp học tập hiệu quả chứ không chỉ truyền đạt những điều đã học; có khả năng kiến tạo môi trường học tập cho sinh viên chứ không chỉ thực thi yêu cầu từ người khác. Đồng thời, cần bổ sung và tìm kiếm các phương pháp dạy và học mới nhằm tăng cường tính sáng tạo, sao cho phù hợp với từng môn học và ngành học như phương pháp lớp học mô phỏng (phương pháp tiếp cận nhận thức thế giới thực thông qua mô hình tĩnh hoặc động, nó cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm cụ thể về đối tượng học tập theo kiểu trải nghiệm gián tiếp).

2.4.3. Tăng cường hoạt động trải nghiệm sáng tạo của sinh viên

Bằng hoạt động trải nghiệm của bản thân, mỗi sinh viên vừa là người tham gia, vừa là người kiến thiết và tổ chức các hoạt động cho chính mình nên sinh viên không những biết cách tích cực hoá bản thân, khám phá bản thân, điều chỉnh bản thân mà còn biết cách tổ chức hoạt động, tổ chức cuộc sống và biết làm việc có kế hoạch, có

trách nhiệm. Khi tham gia trải nghiệm sáng tạo đòi hỏi sinh viên phải huy động kiến thức, kĩ năng, các phẩm chất, năng lực tổng hợp để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn. Giảng viên là người định hướng, hướng dẫn, sinh viên làm chủ, từ xây dựng ý tưởng; xây dựng kế hoạch; công tác chuẩn bị thực hiện; tổ chức thực hiện; đánh giá kết quả thực hiện và qua đó sinh viên tích lũy được các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lắng nghe và phản hồi tích cực, kỹ năng ghi chép, thu thập xử lí thông tin, kỹ năng ra quyết định. Sinh viên phải hành động để rèn luyện tư duy sáng tạo vì nếu không hành động thì khả năng tư duy sáng tạo của mỗi người sẽ mất dần theo thời gian, đồng thời, thử thách bản thân bằng những đột phá mới trong học tập, cũng như trong cuộc sống, dám nghĩ và dám làm, đó là cách rất tốt giúp sinh viên rèn luyện khả năng tư duy, sáng tạo của mình và không quá lo lắng về những điều khó khăn, đặc biệt dám dẫn thân và không sợ rủi ro.

3. Kết luận

Thông qua hệ thống tiêu chí đánh giá năng lực sáng tạo trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên, cho thấy sinh viên có điểm năng lực sáng tạo ở mức Trung bình và Trung bình khá. Đó là những thành tích của nhiều năm thầy và trò nhà trường tích cực đổi mới dạy và học.

Nâng cao năng lực sáng tạo của người học, đòi hỏi bản thân sinh viên được tự do sáng tạo và có một nền văn hóa coi trọng sự sáng tạo, nơi các giáo viên theo đuổi các giá trị sáng tạo, bởi vì phát triển học tập sáng tạo, đòi hỏi giảng dạy sáng tạo. Giảng dạy sáng tạo hàm ý cho phép sinh viên có trách nhiệm với việc học của mình, sinh viên không chỉ tiếp nhận thông tin, trái lại, họ đảm nhận vai trò khám phá, nhưng có sự hỗ trợ và hướng dẫn cần thiết của giảng

viên. Nhà trường cần giao quyền tự chủ và khuyến khích giảng viên, sinh viên linh hoạt, sáng tạo. Nhà trường đóng vai trò trung tâm, định hướng tổ chức, chỉ đạo, điều hành, phân công trách nhiệm cho các thành viên trong nhà trường. Nhà trường

cần đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính trong quá trình tổ chức hoạt động, nhằm tạo cơ hội cho sinh viên phát huy khả năng sáng tạo, biết vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Amabile, T. M. (1996). *Creativity and Innovation in Organizations*. Harvard Business School. Retrieved on 24 October.
- Amabile, T.M. (1996). *Creativity in context: Update the social psychology of creativity*. Boulder CO: Westview Press.
- Beghetto, R.A. (2005). Does assessment kill student creativity? *The Educational Forum* 69, 254-262.
- Craft, A. Jeffrey, B. Leibling, M. (2001). *Creativity in Education*.
- Phan Dũng (2008). *Các phương pháp sáng tạo - giải quyết vấn đề và ra quyết định, Trung tâm sáng tạo Khoa học - Kỹ thuật*. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, TP. Hồ chí Minh, Việt Nam: NXB. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- Trần Việt Dũng (2013). Một số suy nghĩ về năng lực sáng tạo và phương hướng phát huy năng lực sáng tạo của người Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ chí Minh*, 49, 160-169.
- EUA. 2007. *Embedding Quality Culture in Higher Education - A selection of papers from the European Forum for Quality Assurance*.
- EUA. 2007. *Creativity in higher education. Report on the eua creativity project 2006-2007*. ISBN: 9789081069892.
- Huỳnh Văn Sơn (2009). *Tâm lí học sáng tạo*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Giáo dục Việt Nam.
- Sternberg, R. J. & Lubart, T. I. (1996). Investing in Creativity. *American Psychologist* 51, 677-688.
- Robinson, K. (2006). Do schools kill creativity? Available from TED: http://www.ted.com/talks/lang/eng/ken_robinson_says_schools_kill_creativity.htm
- Tan, C. K., Baharuddin, A., Jamaluddin, H. & Lee, K.W. (2012). "Enhancing and assessing student teachers" creativity using brainstorming activities and ICT-based Morphological analysis method, SAVAP international.
- Torrance, E. P. (1966). *The Torrance Tests of Creative Thinking: Norms-technical manual research edition*. Princeton, NJ: Personnel Press.
- Torrance, E.P. (1979). "An instructional model for enhancing incubation". *The Journal of Creative Behavior*, 13, 23-35.